

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ – ST  
Ngày 21 tháng 3 năm 2022  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1994, (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Ah Nguyễn Khánh V, sinh năm 1993, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện anh V đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đinh Thị V trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Khánh V kết hôn ngày 20/9/2012 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh V ở xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè không chịu làm ăn. Chị có khuyên anh V nhiều lần nhưng anh V đều gây sự, đánh chửi chị. Do không thể cải thiện được quan hệ vợ chồng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Sau khi về nhà bố mẹ đẻ ở chị mới được biết anh V bị bắt về tội liên quan đến ma túy và đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc, đã xét xử sơ thẩm và đang chờ xét xử phúc thẩm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian không còn liên lạc và không có trách nhiệm gì với nhau nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Khánh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh V trình bày:*

Ah thừa nhận anh và chị Đinh Thị T kết hôn năm 2012, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị T về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng từ khi kết hôn đến khi chị T bỏ đi anh thấy vẫn bình thường. Đến tháng 5 năm 2021 do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con nên anh có to tiếng với chị T. Sau đó chị T đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay chị T không quan tâm và liên lạc với anh. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, anh mong chị T suy nghĩ lại, quay về nuôi dạy các con, vì hiện tại anh đang bị tạm giam trong vụ án hình sự chờ ngày xét xử. Tuy nhiên, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện anh được nuôi cả hai con.

*Về con chung:* Chị T và anh V xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 07/5/2020. Hiện tại cháu A đang với ông bà nội (là ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Kha) tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, còn cháu K1 đang ở với chị

T ở tỉnh Ninh Bình. Ly hôn cả chị T và anh V đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp:* Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2022 ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị K là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Khánh V khai:* Gia đình ông bà tổ chức kết hôn cho anh V, chị T vào cuối năm 2012, trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình không ai ép buộc gì. Kết hôn xong vợ chồng chị T ở cùng với gia đình ông bà. Ông bà thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là từ phía anh V, do anh V ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè nên vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến bất đồng quan điểm và cãi chửi nhau. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị T đưa cháu K1 về ở bên nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Ninh Bình.

Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh V có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 07/5/2020. Hiện tại cháu A đang ở với vợ chồng ông bà tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, còn cháu K1 đang ở với chị T ở tỉnh Ninh Bình. Hiện anh V đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc, chờ xét xử phúc thẩm trong vụ án hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy từ cuối tháng 5/2021 đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh V, ông bà rất mong chị T suy nghĩ lại cho anh V một cơ hội và cho các cháu có đầy đủ cả bố và mẹ. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn, ông bà rất mong Tòa án giải quyết cho anh V được nuôi dưỡng cả hai con chung. Vợ chồng ông bà sẽ có trách nhiệm thay anh V chăm sóc các cháu đầy đủ về mọi mặt khi anh V đi chấp hành án trở về.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

\* *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khánh V.

- Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 (Hiện đang ở với ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Kha) và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 07/5/2020 (Hiện đang ở với chị T). Ah V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở gây khó khăn.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Khánh V nhưng anh V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Khánh V có hộ khẩu thường trú tại: Xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20/9/2012 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh V có hộ khẩu thường trú đều xác nhận: Về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị T và anh V đã sống ly thân nhau. Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 27/5/2020. Hiện tại cháu A đang ở thôn Đức Cung, xã Cao Minh cùng ông H, bà K(bố mẹ đẻ anh V), còn cháu K1 đang ở với chị T. Theo địa phương được biết anh V đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 5/2021 đến nay trong vụ án hình sự. Từ khi anh V bị tạm giam, cháu A ở cùng ông H, bà K(bố mẹ đẻ anh V ở thôn Đức Cung, xã Cao Minh). Nay chị T

làm đơn xin ly hôn anh V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc chị T làm đơn xin ly hôn anh V vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Từ tháng 5/2021 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Trước đó chị T đã làm đơn xin ly hôn anh V nhưng được Tòa án động viên nên chị T đã rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ vợ chồng nhưng sau đó chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vẫn kiên quyết xin ly hôn anh V. Hiện tại anh V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc nên tòa án không thể tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2021 anh V có trình bày “*Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh đồng ý với điều kiện được nuôi cả hai con chung*”. Ngoài ra, qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của ông H, bà Klà bố mẹ đẻ anh V đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh V có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh V ham chơi, không chịu lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh V có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 07/5/2020. Hiện tại cháu A đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị K tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; còn cháu K1 đang ở với chị T tại tỉnh Ninh Bình. Ly hôn cả chị T và anh V đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh V là hoàn toàn thực tâm. Quá trình giải quyết vụ án anh V có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, trong thời gian anh phải đi chấp hành án phạt tù anh sẽ nhờ bố mẹ anh ở nhà trông nom, chăm sóc các con giúp anh. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bố mẹ anh V là ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị K. Ông H, bà K đều có ý kiến nếu Tòa án giao cả 02 con cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông bà sẽ giúp anh V chăm sóc các cháu khi anh V không có nhà. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như nghĩa vụ của người phải chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau khi vợ chồng ly hôn để quyết định

giao cho bố hoặc mẹ. Hiện nay chị T đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, còn anh V đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (đã bị xét xử sơ thẩm và đang chờ xét xử phúc thẩm), việc anh V xin được nuôi cả hai con và nhờ bố mẹ anh chăm sóc các con giúp anh trong thời gian anh không có nhà, thấy rằng yêu cầu trên của anh là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con thuộc về bố hoặc mẹ có đủ điều kiện nuôi con. Như vậy, xét về thu nhập, chỗ ở cũng như điều kiện thực tế thì chị T có đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung. Nên cần giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu A và cháu K1 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị T và anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khánh V.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 04/12/2012 (Hiện đang ở với ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị K) và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 07/5/2020 (Hiện đang ở với chị T). Anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở gây khó khăn.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000616 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**